**Mẫu số 03c/Form No 03c1[[1]](#footnote-1)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày..... tháng..... năm.....*

**Socialist Republic of vietnam**

**Independence - Freedom - Happiness**

*....., day..... month..... year.....*

**PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**

**APPLICATION FORM FOR DEREGISTRATION OF SEAGOING SHIP SECURITY**

Kính gửi/To2[[2]](#footnote-2):.................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Thông tin chung/General information** | |
| *Người yêu cầu đăng ký/Applicant3[[3]](#footnote-3)* | |
| □ Bên nhận bảo đảm/Secured party | |
| □ Bên bảo đảm/Securing party | |
| □ Người nhận chuyển giao tài sản bảo đảm/The transferee of collateral | |
| □ Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Asset administrator, Asset administration or liquidation enterprise | |
| □ Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên/Civil judgment enforcement agency, Executor | |
| □ Cơ quan khác có thẩm quyền, người khác có thẩm quyền/Other competent state agencies, other competent persons | |
| □ Người đại diện/Representative4[[4]](#footnote-4) | |
| - Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức *(Viết chữ IN HOA)*/Full name *(written in CAPITAL LETTERS)*  ............................................................................................................................................  - Địa chỉ liên hệ/Address....................................................................................................  □ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card  □ Hộ chiếu/Passport  □ Thẻ thường trú/Permanent residence card  □ Mã số thuế/Tax code  Số/No................. do/issued by............ cấp ngày/on day..... tháng/month..... năm/year.....  - Số điện thoại/Tel *(nếu có):*.......................... ; Fax (nếu có)/Fax *(if any)*.............................  Thư điện tử *(nếu có)*/Email *(if any)*:...................................................................................... | |
| **2. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp**/**Issued Certificate on registered security interest No.**  No.:.......................................................................................................................................... | |
| **3.** **Mô tả tài sản bảo đảm/Description of collateral5**[[5]](#footnote-5)  Tên tàu/Ship name:..................................., Quốc tịch/Nationality:...................................  Hô hiệu/Call sign:...............................................................................................................  Số IMO/IMO number:........................................................................................................  Loại tàu/Type of ship:........................................................................................................  Chủ tàu/Owner:..................................................................................................................  Năm đóng/Year of build:....................................................................................................  Nơi đóng/Built in:...............................................................................................................  Mớn nước/Draught:............................................................................................................  Dung tích thực dụng/Net tonnage:......................................................................................  Chiều dài lớn nhất/Length over all:....................................................................................  Chiều rộng/Breadth:...........................................................................................................  Trọng tải toàn phần/Dead weight capacity:........................................................................  Tổng dung tích/Gross tonnage:..........................................................................................  Nơi đăng ký/Place of register:............................................................................................  Tổ chức đăng kiểm/Register Agency:................................................................................  Tổng công suất máy chính/M.E.power:.............................................................................  Số đăng ký/Registration No.:.............................................................................................  Ngày đăng ký/Registration date:........................................................................................ | |
| **4. Căn cứ xóa đăng ký**/Basis for deregistration:  .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... | |
| **5. Giấy tờ kèm theo/Attached documents6:[[6]](#footnote-6)**  .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... | |
| **6. Cách thức nhận kết quả/ Method for receiving result** | □ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry  □ Qua dịch vụ bưu chính *(ghi tên và địa chỉ người nhận)/*By post *(specify name and address of receiver)*............................................  □ Cách thức điện tử (*trong trường hợp pháp luật có quy định)*/ Electronic method (*if provided by law)*  ........................................................................................................  □ Cách thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký)*/Other methods (*according to the agreement between applicant and the registry*):  ........................................................................................................ |
| **Người yêu cầu đăng ký cam kết trung thực trong kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này/*The applicant pledges to be honest and undertakes full responsibility before the law for the accuracy of the declared information in this Application****.* | |

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN BẢO ĐẢM/SECURING PARTY**  **(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)**  *Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)* | **BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY**  **(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)**  *Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGƯỜI YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ KHÁC/OTHER APPLICANT7[[7]](#footnote-7)/**  **(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRENTATIVE)** *Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)* | |
| **PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY** | |
| Thời điểm tiếp nhận:.*.... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....*  Time of application receiving:.*....**hour.....**minute, on (day)..... (month)..... (year).....*  Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*/  Receiver *(signature and full name)*: | |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/General instructions**

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/The application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant’s signature.

**2. Kê khai tại Mục 1/Item 1**

- Đối với cá nhân/For individuals:

+ Đối với cá nhân là công dân Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai đầy đủ họ và tên, số chứng minh được cấp theo Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh quân đội trong trường hợp cá nhân này đang công tác trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Đối với cá nhân là người nước ngoài thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Đối với cá nhân là người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For stateless person residenting in Vietnam, declare full name and number of permanent residence card on the permanent residence card.

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký là Quản tài viên thì kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ/If the applicant is an asset administrator, she/he shall declare further her/his title, professional practice certificate number, issuing organ of the certificate and issuing time (day, month, year).

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký là chấp hành viên, người khác có thẩm quyền thì kê khai thêm chức danh, đơn vị công tác/If the applicant is Enforcer or other competent persons, she/he shall declare futher her/his title and working agency.

- Đối với tổ chức: Kê khai tên đầy đủ của tổ chức, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế/For organizations, declare the full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate).

+ Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before “Representative” option and declare information about name and address of the branch.

+ Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân mà người yêu cầu đăng ký là bên bảo đảm thì kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/If the security assets are properties of a sole proprietorship and the applicant is the securing party, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

**3. Kê khai tại mục 2/Item 2**

Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Certificate on security interest that issued by register agency.

**4. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal**

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

1. 1 Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/ Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government. [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 Ghi tên cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký/Write name of authority registry. Each Application form shall be sent to one registry. [↑](#footnote-ref-2)
3. 3 Trường hợp có nhiều người yêu cầu đăng ký thì thông tin về từng người yêu cầu đăng ký kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu này/In case there are multiple applicant, information of each applicant must be declared accoding to information on this application form. [↑](#footnote-ref-3)
4. 4 Trường hợp này, người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative shall check both the box before “Representative” and the appropriate box before the type of the principal. [↑](#footnote-ref-4)
5. 5 Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm thì thông tin về từng tài sản bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/In case there are multiple security assets, each security asset must be declared according to information on this application form. [↑](#footnote-ref-5)
6. 6 Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/ Declare documents required in registration record according to the provisons of Decree No. 99/2022/ND-CP. [↑](#footnote-ref-6)
7. 7 Người yêu cầu xóa đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Applicant as described in Clause 3 Article 8 Decree No. 99/2022/ND-CP. [↑](#footnote-ref-7)